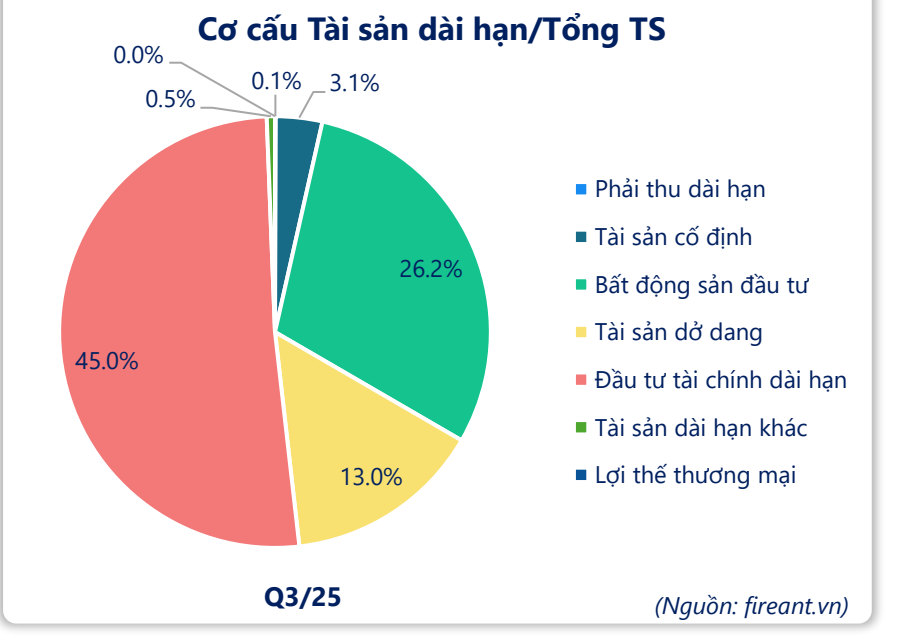
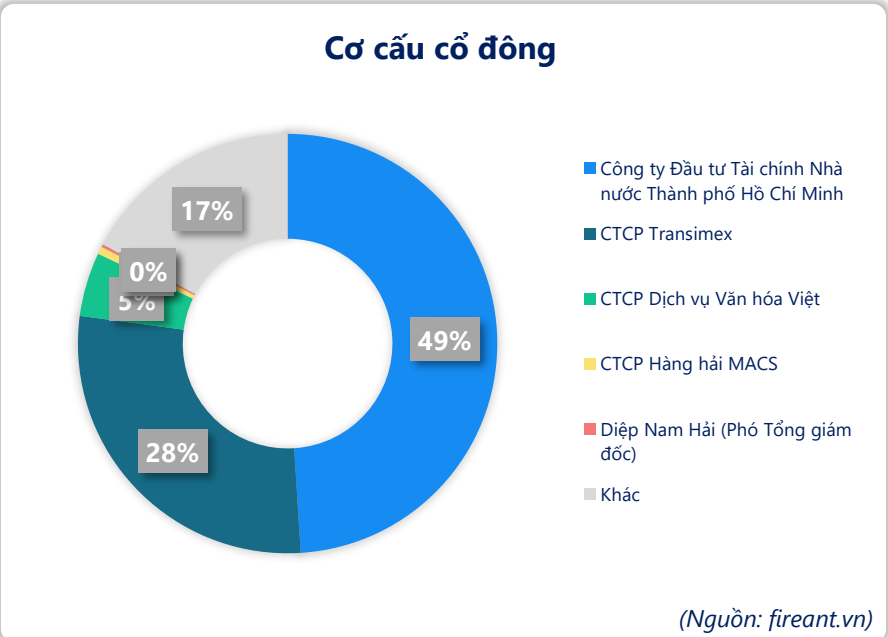
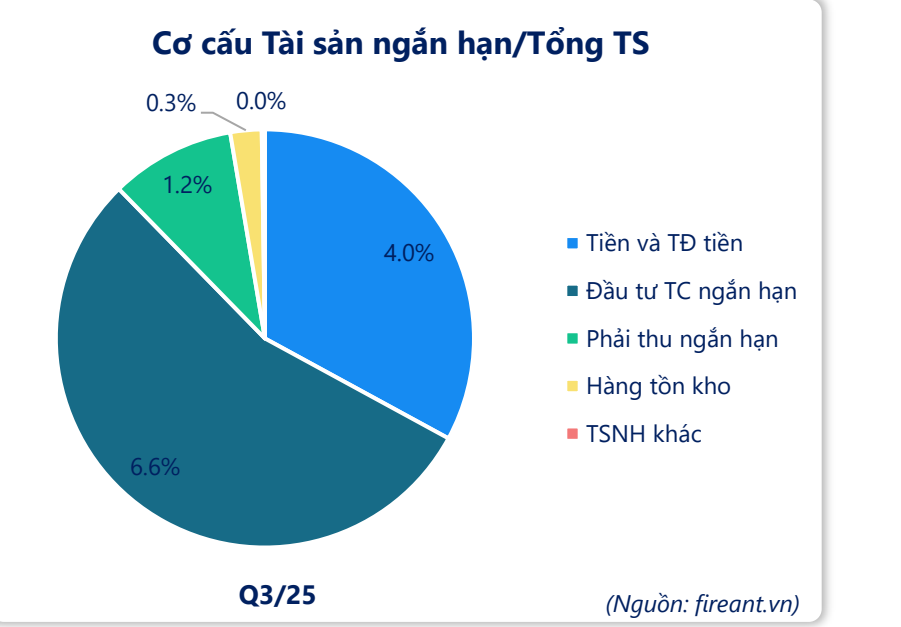
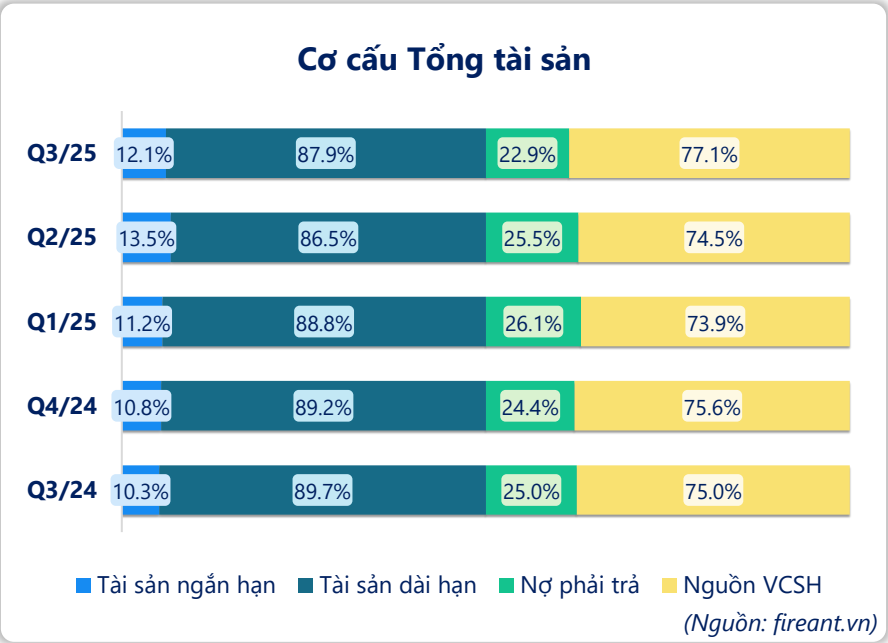
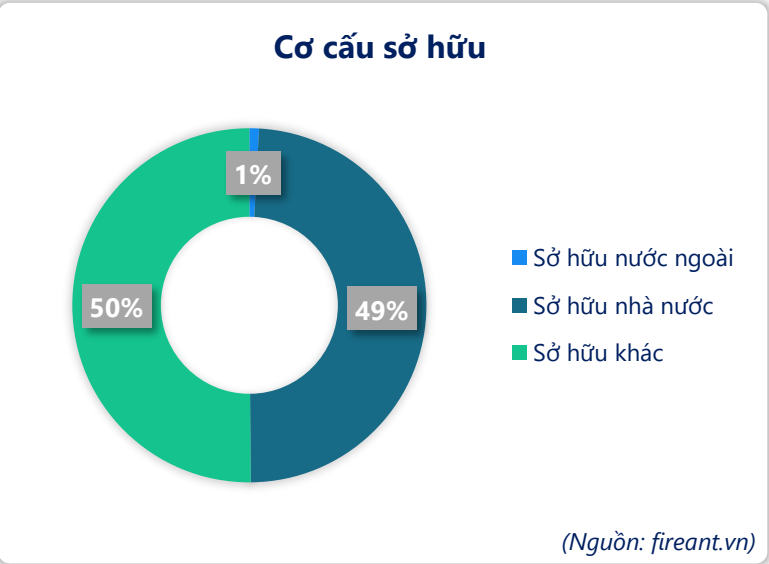
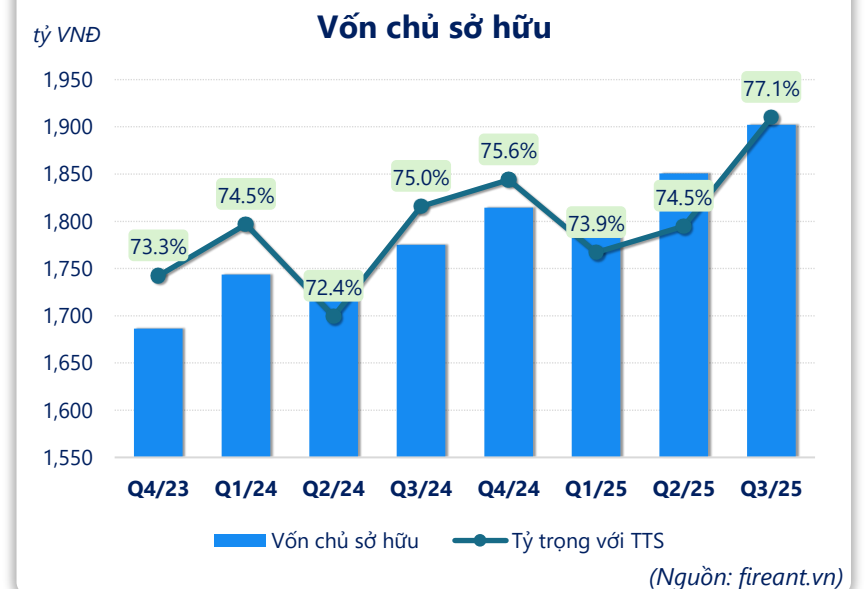
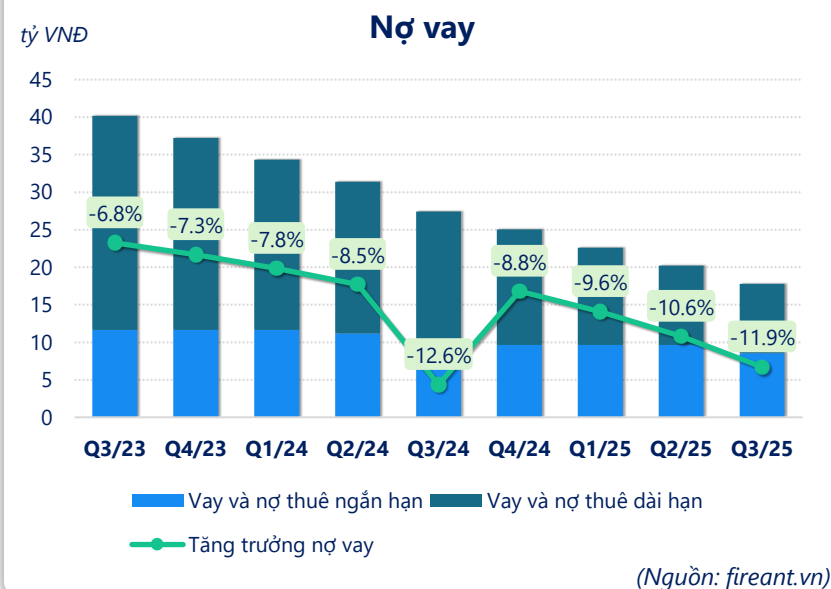
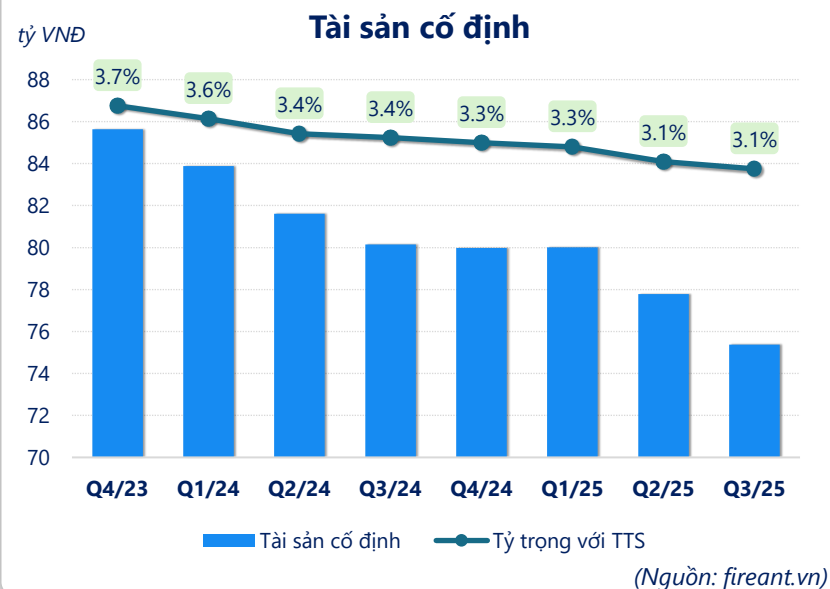
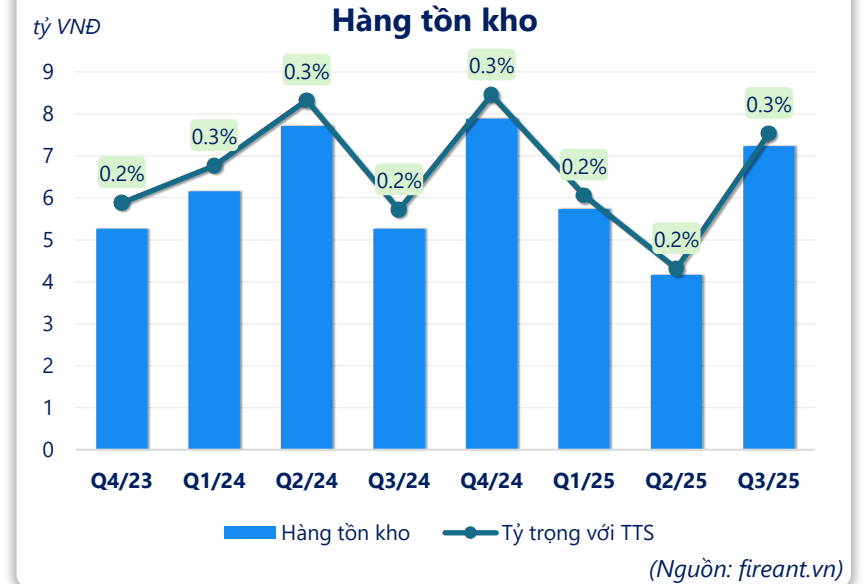
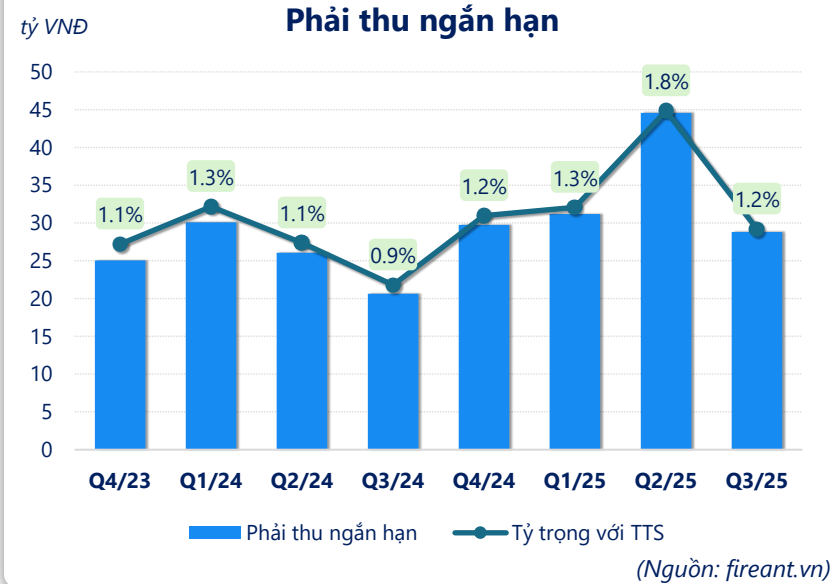
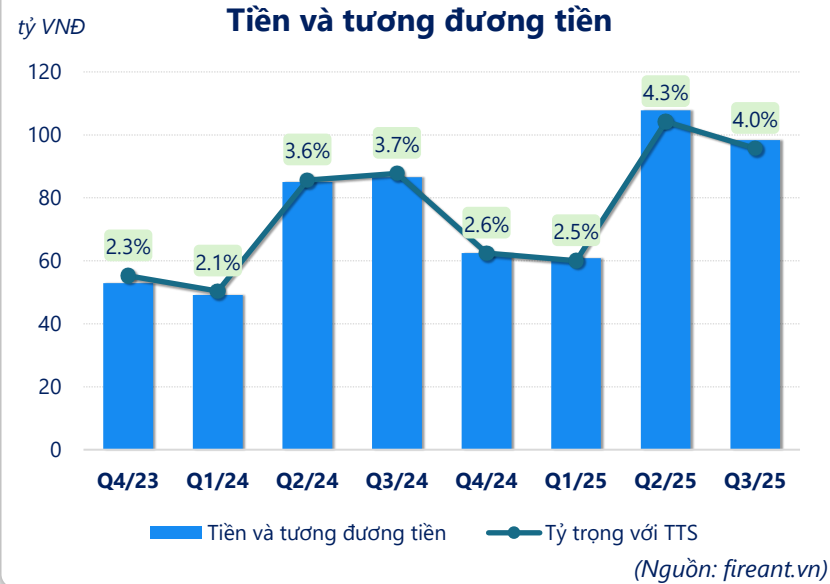
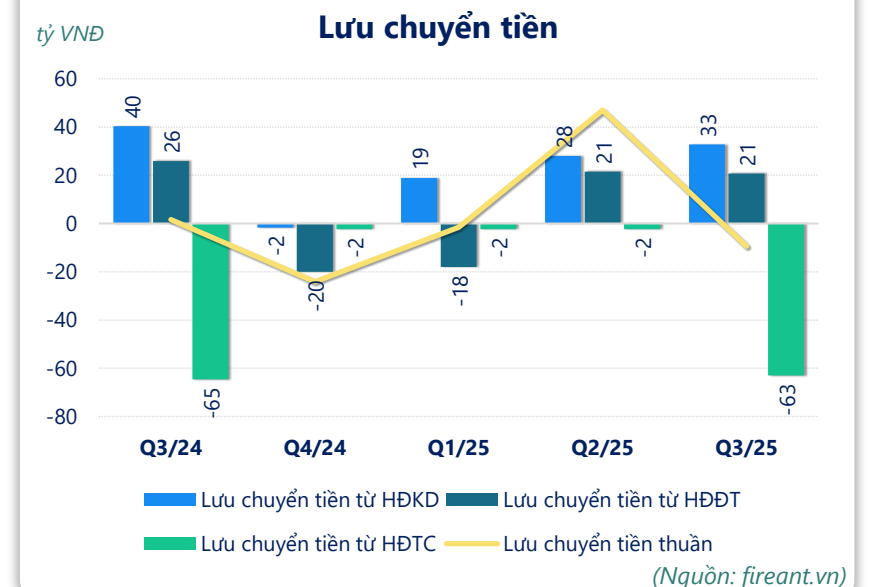
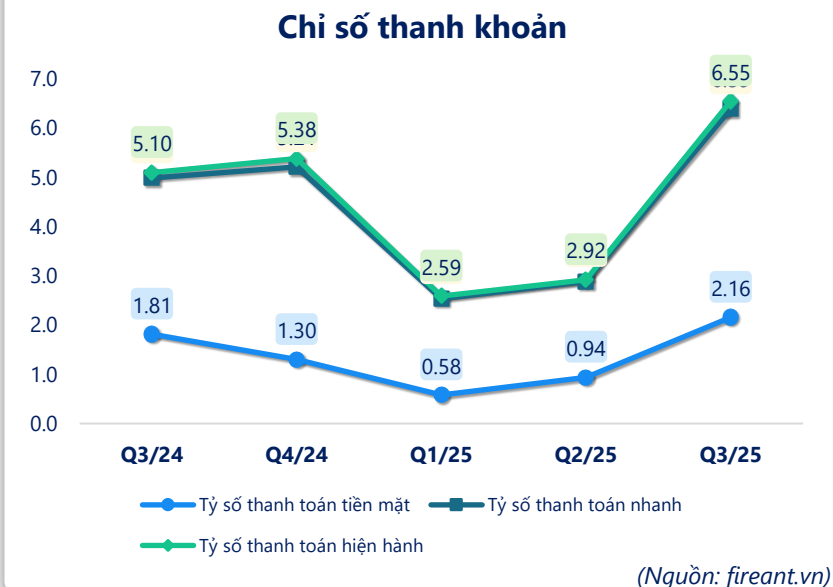
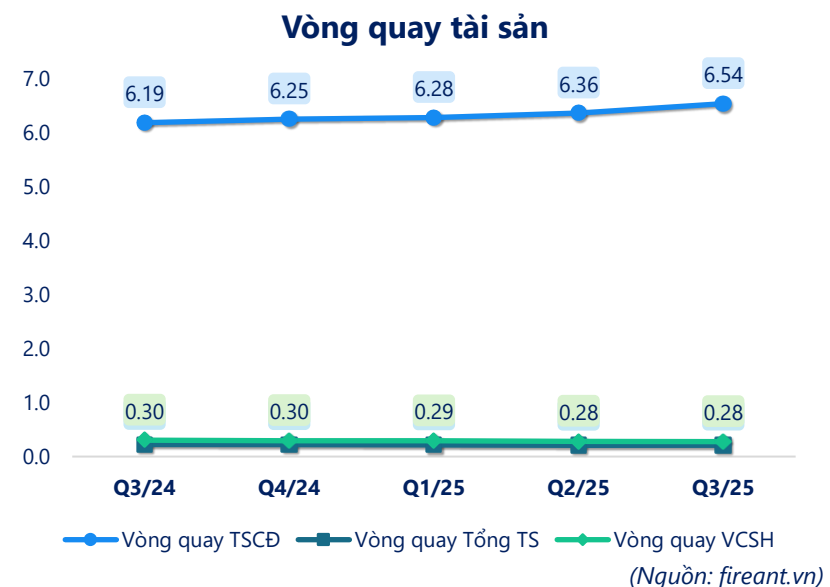
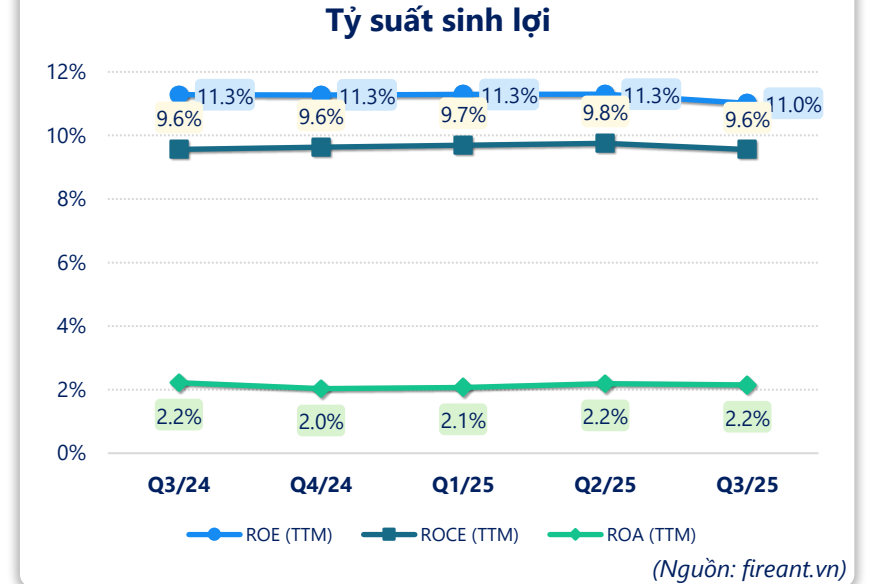
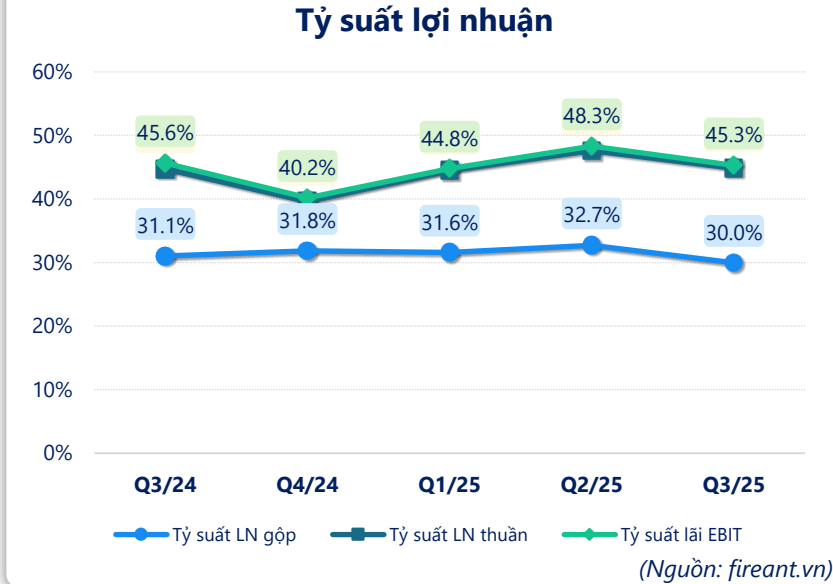
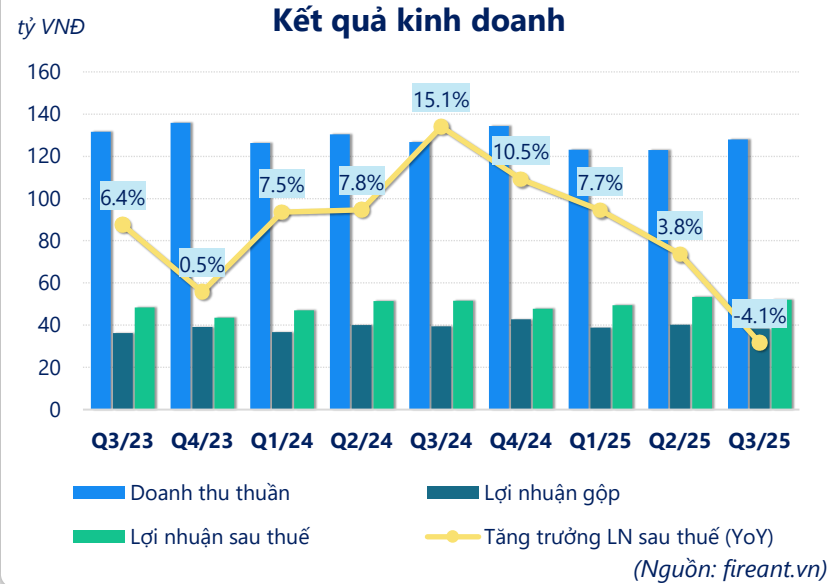


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		16,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		19,176
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		12,561
SL cổ phiếu LH		86,600,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		83,450
% sở hữu nước ngoài		0.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,394
P/E		6.9
EPS		2,338

	YTD	1T	3T	6T
CLX	-0.6%	-1.8%	-0.1%	-4.6%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,467	2,401	2.8%
Tài sản ngắn hạn	299	259	15.5%
Tiền và tương đương tiền	98.4	62.4	57.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	164	158	3.7%
Phải thu ngắn hạn	28.8	30.1	-4.3%
Hàng tồn kho	7.23	7.89	-8.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0.73	0.55	32.8%
Tài sản dài hạn	2,169	2,142	1.2%
Phải thu dài hạn	1.28	1.31	-1.9%
Tài sản cố định	75.4	80.0	-5.7%
Bất động sản đầu tư	647	674	-4.0%
Tài sản dở dang	321	320	0.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,110	1,049	5.8%
Tài sản dài hạn khác	13.3	17.0	-21.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	565	586	-3.5%
Nợ ngắn hạn	45.6	48.7	-6.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	8.52	9.63	-11.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.17	6.15	-64.8%
Nợ dài hạn	519	537	-3.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	9.28	15.4	-39.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,902	1,815	4.8%
Vốn chủ sở hữu	1,902	1,815	4.8%
Vốn điều lệ	866	866	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	127	134	123	123	128
Giá vốn hàng bán	87.4	91.6	84.3	82.7	89.6
Lợi nhuận gộp	39.4	42.8	38.9	40.2	38.4
Doanh thu HĐTC	2.83	2.75	2.38	2.88	1.99
Chi phí TC	0.47	0.63	0.61	1.09	0.26
Chi phí lãi vay	0.47	0.44	0.35	0.36	0.26
LN trong công ty LKLD	29.8	34.4	30.2	33.3	32.4
Chi phí bán hàng	2.65	3.28	3.27	3.19	2.90
Chi phí QLDN	12.2	22.9	12.8	13.6	12.2
LN thuần từ HĐKD	56.7	53.2	54.8	58.5	57.4
Lợi nhuận khác	0.71	0.35	0.06	0.50	0.31
LN trước thuế	57.4	53.5	54.8	59.0	57.7
Lợi nhuận sau thuế	51.5	47.8	49.4	53.4	52.1
LNST của CĐ cty mẹ	51.4	47.8	49.4	53.3	52.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	40.3	-1.66	18.9	27.9	32.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	25.8	-20.1	-18.1	21.5	20.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-64.6	-2.41	-2.41	-2.41	-63.0
Tiền đầu kỳ	85.0	86.6	62.4	60.8	108
Lưu chuyển tiền thuần	1.55	-24.1	-1.59	47.0	-9.47
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	86.6	62.4	60.8	108	98.4

(Nguồn: fireant.vn)